

## PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

Ngày ban hành: 2024/11/9

Ngày sửa đổi: 2024/11/12

Phiên bản: 7

## 1. Nhận dạng hóa chất và thông tin về nhà cung cấp

## định danh của sản phẩm

Chất hoặc hỗn hợp tên : Diluted Alkydresin Paint  
Số EC :  
Số REACH :  
Số CAS :

## Các cách sử dụng đã được xác định là phù hợp của chất hoặc hỗn hợp và các cách sử dụng được khuyến nên tránh

Các lĩnh vực sử dụng [SU] : các trường hợp sử dụng công nghệ  
Cách sử dụng của hóa chất/hỗn hợp : chất phủ và sơn, chất độn, chất trám trét, chất pha loãng  
Các cách sử dụng được khuyến nên tránh : Sử dụng cho mục đích khác ngoài mục đích được khuyến nghị.

## Thông tin về nhà cung cấp phiếu an toàn hóa chất

Nhà cung cấp : iBou Inc.  
Địa chỉ nhà : 81 Nakao, Nago city, Okinawa pref., Japan  
Hộp thư : 905-1153  
Điện thoại : 123-4567  
Telefax : 123-5678  
E-Mail : iboughs@yahoo.co.jp

## Số điện thoại khẩn cấp

Số điện thoại khẩn cấp : 234-5678  
Nhận xét : Chỉ có trong giờ làm việc.

## 2. Nhận dạng đặc tính nguy hiểm của hóa chất

## Mức xếp loại nguy hiểm :

Chất lỏng dễ cháy:Cấp 2  
Độc tính cấp tính, miệng:không phân loại  
Độc tính cấp tính, da:không phân loại  
Độc tính cấp tính, hít (khí):không phân loại  
Độc tính cấp tính, hít (hơi):Cấp 5  
Độc tính cấp tính, hít (bụi và sương mù):không phân loại  
Ăn mòn/kích ứng da:Cấp 2  
Tổn thương nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt:Cấp 2A  
Tác nhân nhạy hô hấp :Cấp 1  
Tác nhân nhạy da:Cấp 1  
Đột biến tế bào mầm:Cấp 2  
Tác nhân gây ung thư:Cấp 1  
Độc tính sinh sản:Cấp 1  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn:Cấp 1 (Hệ thống thần kinh trung ương hệ hô hấp Hệ tim mạch hệ thống máu Gan thận nhiễm độc toàn thân)  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn:Cấp 2 (thận)  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn:Cấp 3 (kích ứng đường hô hấp)  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại:Cấp 1 (Hệ thống thần kinh trung ương thận hệ thống máu Các dây thần kinh thị giác Các cơ quan tiết niệu hệ hô hấp Hệ thần kinh Organ thính)  
Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại:Cấp 2 (hệ hô hấp Gan lách tinh hoàn)  
Nguy hại hô hấp:Cấp 1  
Nguy hại cấp tính đối với môi trường thủy sinh:Cấp 2  
Nguy hại mãn tính đối với môi trường thủy sinh:Cấp 2  
Ảnh hưởng đến tầng Ozôn.:Phân loại không thể  
Độc tính sinh sản (Ảnh hưởng đến hoặc qua sữa mẹ):Cấp bổ sung

## Các thành phần của nhãn :

Hình đồ cảnh báo :



Từ cảnh báo : Nguy hiểm

Cảnh báo nguy cơ:

- H225 · Hơi và chất lỏng rất dễ cháy
- H304 · Có thể chết nếu nuốt phải và đi vào đường hô hấp
- H315 · Gây kích ứng da
- H317 · Có thể gây dị ứng da
- H319 · Gây kích ứng mắt nghiêm trọng
- H333 · Có thể có hại nếu hít phải
- H334 · Có thể gây ra các triệu chứng dị ứng hoặc hen suyễn hoặc khó thở nếu hít phải
- H335 · Có thể gây kích ứng đường hô hấp
- H341 · Nghi ngờ gây ra các khuyết tật di truyền
- H350 · Có thể gây ung thư
- H360 · Có thể có hại đến khả năng sinh sản hoặc đến trẻ chưa sinh
- H362 · Có thể gây hại đến trẻ đang bú
- H370 · Gây tổn thương cho các cơ quan (Hệ thống thần kinh trung ương hệ hô hấp Hệ tim mạch hệ thống máu Gan thận nhiễm độc toàn thân)
- H371 · Có thể gây tổn thương cho các cơ quan (thận)
- H372 · Gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (Hệ thống thần kinh trung ương thận hệ thống máu Các dây thần kinh thị giác Các cơ quan tiết niệu hệ hô hấp Hệ thần kinh Organ thính)
- H373 · Có thể gây tổn thương cho các cơ quan thông qua phơi nhiễm kéo dài hoặc lặp lại (hệ hô hấp Gan lách tinh hoàn)
- H401 · Độc đối với sinh vật thủy sinh
- H411 · Độc đối với sinh vật thủy sinh với ảnh hưởng kéo dài

Biện pháp phòng ngừa :

- 【Phòng ngừa】**
- P201 · Cần đọc hướng dẫn đặc biệt trước khi sử dụng.
- P202 · Không sử dụng cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu.
- P210 · Tránh xa nguồn nhiệt / tia lửa / ngọn lửa / bề mặt nóng. - Không hút thuốc..
- P233 · Giữ bao bì đóng kín.
- P240 · Giữ thùng chứa, thiết bị tiếp đất
- P241 · Sử dụng thiết bị chống cháy nổ điện / thông gió / chiếu sáng/ ... /
- P242 · Chỉ sử dụng các công cụ không phát tia lửa.
- P243 · Có biện pháp phòng ngừa tích điện
- P260 · Không được hít bụi / khói / khí / sương mù / hơi / sương.
- P263 · Tránh tiếp xúc trong quá trình mang thai / trong khi cho con bú.
- P264 · Rửa sạch tay sau khi sử dụng.
- P270 · Không ăn, uống hoặc hút thuốc khi sử dụng sản phẩm này.
- P271 · Chỉ sử dụng ngoài trời hoặc trong khu vực thoáng khí
- P272 · Không mang quần áo bị nhiễm bẩn ra khỏi nơi làm việc
- P273 · Tránh thải ra môi trường.
- P280 · Đeo găng tay/ quần áo bảo hộ/ bảo vệ mặt/ mặt nạ
- P284 · Mang đồ bảo hộ hô hấp

**【Phản ứng】**

- P301+P310 · Nếu NUỐT PHẢI: Ngay lập tức gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ / nhân viên y tế.
- P302+P352 · Nếu BỊ ĐÍNH VÀO DA: Rửa bằng nhiều xà phòng và nước.
- P303+P361+P353 · Nếu TIẾP XÚC VỚI DA (hoặc tóc): Ngay lập tức cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn. Rửa sạch da bằng nước / vòi sen.
- P304+P312 · Nếu HÍT PHẢI: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ / nhân viên y tế nếu cảm thấy không khỏe
- P304+P340 · Nếu HÍT PHẢI: Chuyển nạn nhân đến khu vực không khí trong lành và giữ nạn nhân ở thể dễ hô hấp.
- P305+P351+P338 · Nếu VÀO MẮT: Rửa sạch một cách thận trọng bằng nước trong vài phút. Loại bỏ kính áp tròng, nếu có và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.
- P308+P313 · Nếu tiếp xúc hoặc quan ngại: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- P314 · Hỏi ý kiến tư vấn y tế nếu bạn cảm thấy không khỏe.
- P331 · KHÔNG gây nôn.
- P333+P313 · Nếu bị kích ứng da hoặc dị ứng: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- P337+P313 · Nếu vẫn còn kích ứng mắt: Hỏi ý kiến tư vấn y tế.
- P342+P311 · Nếu gặp các triệu chứng hô hấp: Gọi trung tâm chống độc hoặc bác sĩ / nhân viên y tế.
- P362+P364 · Cởi bỏ quần áo bị nhiễm bẩn và giặt sạch trước khi tái sử dụng và rửa sạch trước khi tái sử dụng.
- P370+P378 · Trong trường hợp cháy: sử dụng các chất chữa cháy phù hợp để dập tắt.
- P391 · Thu dọn chất thải tràn đổ.

**【Lưu trữ】**

- P403+P233 · Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ bao bì kín.
- P403+P235 · Lưu trữ trong môi trường thoáng khí. Giữ mát.
- P405 · Lưu trữ có khóa chặt.

**【YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ】**

- P501 · Xả bỏ chất thải/bao bì chứa theo đúng quy định có liên quan.

**3. Thông tin về thành phần các chất**

: Hỗn hợp

Thành phần	% (cân nặng)	Số CAS
Alkyd resins	0~5%	63148-69-6
n-Butyl acetate	0~5%	123-86-4
Butan-2-one	0~5%	78-93-3
Xylene, or mixed isomers	0~5%	1330-20-7
Titanium dioxide	0~5%	13463-67-7
White spirit, max 20% aromates	0~5%	8052-41-3
Lead chromate (as Cr)	5~10%	7758-97-6
Toluene	5~10%	108-88-3
Formaldehyde	0~5%	50-00-0
lead sulphate	0~5%	7446-14-2
Isomelamine	15~20%	108-78-1
Ethylbenzene	0~5%	100-41-4
n-Propyl acetate	0~5%	109-60-4
n-Amyl acetate	0~5%	628-63-7
Ethyl acetate	0~5%	141-78-6
Propan-2-ol	45~50%	67-63-0
2-Methylpropan-1-ol	0~5%	78-83-1

**4. Biện pháp sơ cứu về y tế**

**Mô tả các biện pháp sơ cứu**

**Thông tin chung :**

Trong trường hợp có triệu chứng bị dị ứng, nhất là ở đường hô hấp, tìm y tế chăm sóc ngay. Theo dõi nguy cơ bị sốc trong khi nôn. Di chuyển người bị ảnh hưởng ra khỏi khu vực nguy hiểm và đặt nằm xuống. Cởi bỏ ngay quần áo đã bị nhiễm, thấm dẫm. Tắm người thật kỹ (tắm bằng vòi sen hoặc tắm bồn). Sau khi tiếp xúc nhiều giờ các triệu chứng có thể mới xuất hiện; vì vậy cần theo dõi y tế trong ít nhất 48 giờ. Khi nghi ngờ hoặc thấy có triệu chứng, tìm y tế hướng dẫn. Không bao giờ cho vào miệng người bất tỉnh hoặc bị co cứng cơ bất cứ thứ gì.

**Sau khi sự hít vào :**

Không làm hô hấp nhân tạo mặng-qua-mặng hẶc mặng-qua-mũi. Sử dụng bóng bóp hẶc máy thở. Nếu thờ kh ông đều hẶc ngẶng thờ, tiến hành hô hấp nhân tạo. Sau khi hít phải hơi, có thể nhiều giờ sau mới xuất hẶn như ng trẶu chứng nhễm độc đầu tiên, nên luôn phải hỏi ý kiến bác sĩ. Trong trẶng hợp bị kích ứng đẶng hô hấp, hỏi ý kiến bác sĩ. Cung cấp không khí trong lành. Trong trẶng hợp bị hít phải sẶng xịt, hỏi ý kiến bác sĩ.

**Sau khi tiếp xúc với da**

Rửa ngay lập tức bằng : nước và xà phòng

Trong trẶng hợp tiếp xúc với vật liệu nóng chảy, điều trị da bằng :

nước và xà phòng

Không rửa bằng : Không có dữ liệu

**Sau khi tiếp xúc với mắt :**

Rửa sạch ngay lập tức và thận trọng bằng nước. Tháo kính áp tròng nếu thấy dễ. Rửa sạch bằng nước trong 10 đ ến 15 phút. Sau đó, nhận đẶc sự chăm sóc y tế của bác sĩ nhãn khoa.

**Sau khi ăn phải :**

Cho uống natri sunfat để nhuận tràng (1 muỗng canh trong một ly nước) cùng với nhiều than hẶt. Nếu vô ý nuốt phải, súc mặng bằng nhiều nước (chỉ khi ngẶi đó còn tỉnh táo) và xin chăm sóc y tế ngay lập tức. Gây nôn nếu nạn nhân còn tỉnh.

Nếu nuốt phải, ngay lập tức uống :

Nước, có thể thêm than hẶt vào

**PhưẶng tiện tự bảo vệ của nhân viên sẶc cứu :**

Không làm hô hấp nhân tạo mặng-qua-mặng hẶc mặng-qua-mũi. Sử dụng bóng bóp hẶc máy thở. NgẶi sơ cứu: Chú ý tự bảo vệ!

**Các triệu chứng và tác dụng quan trọng nhất, cả cấp tính và chậm xuất hiện****Các triệu chứng**

Các triệu chứng sau đây có thể sẽ xuất hiện :

ho dị ứng bệnh hen suyễn khó thở nôn ói sốt phù phổi kích ứng phổi viêm phổi Buồn nôn Da khô, mẩn đỏ, đau Bỏng da, phỏng rộp Đỏ, đau và bỏng ở mắt Nhìn mờ Viêm dị ứng (phát ban)

**Các tác dụng :**

sốc phản vệ do dị ứng bệnh hen suyễn bệnh về hô hấp thờ thẫn phù phổi Buồn nôn kích ứng phổi viêm phổi Da khô, mẩn đỏ, đau Bỏng da, phỏng rộp Đỏ, đau và bỏng ở mắt Nhìn mờ Viêm dị ứng (phát ban)

**Dấu hiệu cần phải được y tế chăm sóc ngay và cần phải điều trị đặc biệt****Lưu ý bác sĩ :**

Sơ Cứu, khử nhễm, điều trị các triệu chứng. Nếu thích hợp thực hiện biện pháp thông khí nhân tạo. Sau khi khử trùng da, điều trị đau và phỏng sóc. Điều trị triệu chứng.

**Biện pháp điều trị đặc biệt :**

Trong trẶng hợp bị tím tái (ở môi, móng tay), cho thờ oxy càng sớm càng tốt. Trong trẶng hợp bị kích ứng phổi: Chú Ểu đ ều trị bằng corticoid xịt, nhẶ thuốc xịt auxilison, thuốc pulmicort xịt theo l Ều. (Auxilison và Pulmicort là các nhãn h Ều đã đ ăng ký). Đ ều trị da và niêm mạc bằng các l Ều chế phẩm kháng histamin và corticosteroid.

**5. Biện pháp xử lý khi có hỏa hoạn****Chất chữa cháy**

Chất chữa cháy thích hợp :

nitơ bột chịu alcol BC-bột ABC-bột Cacbon dioxyt (CO2) cát khô sẶng nước

Chất chữa cháy không thích hợp :

xịt nước mạnh tối đa cát (Ểt)

**Các hiểm họa đặc biệt phát sinh từ chất hoặc hỗn hợp**

Các sản phẩm cháy nguy hiểm :

Cacbon dioxyt (CO2) Các nitơ oxyt (NOx) Cacbon monoxyt Các sản phẩm nh Ềt phân, độc

**Hướng dẫn cho nhân viên chữa cháy**

Trang bị bảo hộ đặc biỆt cho nhân viên chữa cháy:

Sử dụng thiết bị thờ phù hợp. trang phục bảo hộ. Ủng cao su g Ặng tay cao su. Trong trẶng hợp cháy: Sử dụng thiết bị thờ độc lập.

**Thông tin thêm:**

Không hít các khí nổ và khí cháy. Cháy sinh ra nhiều khói. Sử dụng nước xịt mạnh để bảo vệ cho ngẶi và làm nguội các thùng đ ựng đang trong tình trạng nguy hiểm. Không để nước chữa cháy chảy xuống cống rãnh hẶc kê nh rạch. Thu gom riêng nước chữa cháy đã bị nh Ềm. Không cho chảy vào cống rãnh hay nước bề mặt. Di chu Ền sản phẩm ra khỏi khu vực cháy. L Ều bỏ nh Ềt để tránh tăng áp suất. Chặn và bao ngăn l Ềng tràn đ ồ/phóng thích nếu có thể thực hiện một cách an t Ền. Nếu không thể thực hiện đ Ặc việc này, để cho lửa đ ốt cháy có kiểm s Ặt. Di chu Ền dụng cụ đ ựng ch Ề bị h Ề hỏng ra khỏi khu vực có hiểm họa ngay lập tức nếu có thể thực hiện đ Ặc an t Ền. Thận trọng khi sử dụng cacbon dioxyt trong khu vực kín. Cacbon dioxyt có thể chiếm chỗ của oxy.

## 6. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi có sự cố

### Các biện pháp để phòng cho người, trang bị bảo hộ và quy trình xử lý khẩn cấp

#### Các biện pháp để phòng cá nhân :

Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân. Coi chừng khí có thể lan ra trên mặt đất (nặng hơn không khí) và lưu tâm đến hướng gió. Coi chừng cháy lại.

#### Trang bị bảo hộ :

Sử dụng phông tện bảo vệ hô hấp thích hợp. Sử dụng găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ. Đeo kính bảo vệ mắt thích hợp. Mặc đồ bảo vệ cơ thể thích hợp.

#### Các thủ tục khẩn cấp :

Lưu ý bỏ tất cả các nguồn lửa. Cung cấp phông tện thông khí đầy đủ. Đưa mọi người đến nơi an toàn.

### Các biện pháp để phòng cho môi trường :

đậy nắp cho cống rãnh. Dập khí/hoi/sông bằng nước xịt mạnh. Không cho xâm nhập vào đất/tầng đất cái. Không cho xâm nhập vào nước bề mặt hoặc cống rãnh. Ngăn không cho phát tán trên diện rộng (ví dụ bao ngăn hoặc sử dụng phao chắn dầu). Giữ lại nước rửa đã bị nhiễm để thải bỏ. Bảo đảm chất thải được thu gom và bao ngăn. Bảo đảm có thể bao ngăn lượng tràn đổ, ví dụ nhốt vào các palet lôm hoặc các khu vực có gờ chắn. Bảo đảm tất cả mọi nước thải đều được thu gom và xử lý qua nhà máy xử lý nước thải.

### Các phương pháp và vật liệu dùng để bao ngăn và làm sạch

#### Để bao ngăn

Vật liệu thấm hút thích hợp:

cát vật liệu thấm hút, hữu cơ diatomit đất mặt của nước (có chất làm sạch)

#### Để làm sạch

Vật liệu pha loãng hoặc trung hòa thích hợp :

Không có dữ liệu

#### Tham khảo các mục khác :

thao tác an toàn: xem mục 7 thải bỏ: xem mục 13 trang bị bảo hộ cá nhân: xem mục 8

## 7. Yêu cầu về sử dụng, bảo quản

### Các biện pháp để phòng cho thao tác an toàn

#### Các biện pháp bảo vệ

##### Hướng dẫn về thao tác an toàn

Tránh :

Thao tác trong (khí) : nitơ Cacbon dioxyt (CO2)

Thao tác trong (Lông): Không áp dụng

Nếu không thể hút thốt khí tại chỗ hoặc giải pháp này không đủ hiệu quả, phải thông khí toàn bộ cho khu vực làm việc bằng phông tện kỹ thuật. Thao tác và mở dụng cụ đựng cẩn thận. Nơi làm việc phải được thiết kế sao cho có thể làm sạch vào bất kỳ lúc nào. Không hít khí/khói/hoi/bụi xịt. Chỉ sử dụng ở nơi thông khí tốt. Không xịt lên ngọn lửa trần hoặc bất kỳ vật liệu nóng sáng nào. Chỉ sử dụng vật liệu ở những nơi có thể tránh xa ngọn đèn trần, lửa và các nguồn dễ cháy khác. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân (xem mục 8). Luôn đậy kín nắp thùng sau khi lấy sản phẩm. Không bao giờ dùng áp lực để xả cạn dụng cụ đựng. Hạn chế đi vào trong khi đang xả cạn hoặc bảo trì bộ phận. Đậy nắp thùng đựng ngay sau khi sử dụng.

**Nhận xét:** dụng vật liệu ở những nơi có thể tránh xa ngọn đèn trần, lửa và các nguồn dễ cháy khác. Sử dụng trang bị bảo hộ cá nhân (xem mục 8). Luôn đậy kín nắp thùng sau khi lấy sản phẩm. Không bao giờ dùng áp lực để xả cạn dụng cụ đựng. Hạn chế đi vào trong khi đang xả cạn hoặc bảo trì bộ phận. Đậy nắp thùng đựng ngay sau khi sử dụng.

#### Các biện pháp phòng ngừa cháy

Giữ mát bằng : Không áp dụng

Không trộn lẫn với : Chất oxy hóa

Tránh xa : Chất oxy hóa

Tránh xa các nguồn nhiệt (ví dụ như các bề mặt nóng), tia lửa và ngọn lửa trần. Tiếp đất cho các dụng cụ đựng, thiết bị, bơm và phông tện thông khí. Sử dụng máy móc, thiết bị, phông tện thông khí, dụng cụ, v.v. chống nổ. Chỉ dùng những dụng cụ chống tĩnh điện (không tạo ra tia lửa). Sử dụng giấy dèp và quần áo chống tĩnh điện. Phải làm nguội khẩn cấp trong trường hợp có cháy ở khu vực lân cận. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Khi nóng, sản phẩm phát ra hơi dễ cháy. Khi sử dụng không hút thuốc.

**Nhận xét:** dụng giấy dèp và quần áo chống tĩnh điện. Phải làm nguội khẩn cấp trong trường hợp có cháy ở khu vực lân cận. Hơi có thể tạo thành hỗn hợp nổ với không khí. Khi nóng, sản phẩm phát ra hơi dễ cháy. Khi sử dụng không hút thuốc.

#### Các biện pháp phòng ngừa phát sinh khí dung và bụi

Trong khi nạp, đo và lấy mẫu nếu được nên sử dụng:

Thiết bị có phông tện hút thốt khí tại chỗ

Sử dụng các loại phông tện hút thốt khí tại chỗ sau đây :

vòm của máy hút khói/hoi dụng cụ cầm tay có bộ hút thốt khí

#### Các biện pháp để phòng cho môi trường :

xem mục 8. Phải ngăn không cho sản phẩm xâm nhập vào các đường thông và cống rãnh.

**Các yêu cầu hoặc quy định về thao tác cụ thể :**

Sàn nhà, tường và các bề mặt khác trong khu vực hãm họa phải được làm sạch thoroughly xuyên. Chỉ thực hiện công việc nạp tại các trạm có phòng tiện hút thối khí. Tuân thủ và quan tâm thực hiện đúng những yêu cầu về bịt kín và ren của đầu nối. Không nên cho tuân hãm lại khí hút thối. Không cho bất kỳ găng lau nào thấm sản phẩm vào trong túi quần của bạn.

**Hướng dẫn về vệ sinh lao động tổng quát :**

Tránh tiếp xúc với da, mắt và quần áo. Khi sử dụng, không ăn, uống, hút thuốc, hít. Làm việc trong khu vực thông khí tốt hoặc sử dụng phòng tiện bảo vệ hô hấp phù hợp. Rửa tay trước khi nghỉ giải lao và sau khi làm việc. Không được mặc trang phục bảo hộ đã sử dụng ở nơi làm việc. Lập tức cởi bỏ mọi quần áo, giày dép hoặc vớ đã bị nhiễm. Quần áo mặc ra ngoài phải được cất giữ riêng với quần áo làm việc.

**Các điều kiện bảo quản an toàn, kể cả mọi tính chất tương tự**

**Vật liệu bao bì**

**Vật liệu dụng cụ đựng/thiết bị phù hợp:** kim loại Vật liệu, chịu dung môi polyolefin polytetrafluoroetylen (PTFE) polyetylen

**Vật liệu dụng cụ đựng/thiết bị không phù hợp:** Không có dữ liệu

**Gợi ý về bảo quản chung**

**Loại bảo quản :** các chất lỏng dễ cháy

**Các vật liệu cần tránh :** Chất oxy hóa

**Thông tin thêm về điều kiện bảo quản :** Chỉ bảo quản trong dụng cụ đựng ban đầu ở nơi mát, thông khí tốt. Cất giữ khóa chặt. Bảo vệ dụng cụ đựng chống ẩm. Giữ dụng cụ đựng thật kín ở nơi mát, thông khí tốt. Bảo quản riêng.

**8. Kiểm soát phơi nhiễm/yêu cầu về thiết bị bảo vệ cá nhân**

**Các thông số kiểm soát**

ngưỡng giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp

Thành phần	Số CAS	Số EC	Quốc gia	PEL-TWA		PEL-Ceiling	
				ppm	mg/m3	ppm	mg/m3
Lead chromate (as Cr)		7758-97-6	VN		0.01		
Toluene		108-88-3	VN		100	300	
Xylene, or mixed isomers		1330-20-7	VN		100	300	
White spirit, max 20% aromates		8052-41-3	VN		525		
Ethylbenzene		100-41-4	VN	50	217		
Propan-2-ol		67-63-0	VN				
Ethyl acetate		141-78-6	VN	200	720		
n-Propyl acetate		109-60-4	VN		200	600	
n-Butyl acetate		123-86-4	VN	100	475		
n-Amyl acetate		628-63-7	VN		200	500	
Butan-2-one		78-93-3	VN		150	300	
Formaldehyde		50-00-0	VN	0.1	0.12		
2-Methylpropan-1-ol		78-83-1	VN	50	150		
lead sulphate		7446-14-2	VN		0.05	0.1	
Titanium dioxide		13463-67-7	VN		5		

ngưỡng giới hạn các chỉ số sinh học

Thành phần	Số CAS	Số EC	Quốc gia	Đơn vị	Giá trị giới hạn	Tham số
Toluene		108-88-3	JP	mg/L	0.06	toluene
Xylene, or mixed isomers		1330-20-7	JP	mg/L	800	total (o-,m-,p-) methylhippuric acid
Ethylbenzene		100-41-4	JP	µg/L creatinine	15	Ethylbenzene
Ethylbenzene		100-41-4	JP	mg/g creatinine	150	Mandelic acid
Butan-2-one		78-93-3	JP	mg/L	5	Methylethylketone
lead sulphate		7446-14-2	JP	µg/100 mL	15	Lead

**Các biện pháp kiểm soát tiếp xúc**

**Các biện pháp kiểm soát kỹ thuật phù hợp**

Ban đầu Các chú thích : xem mục 7. Thông tin thêm về thiết kế nhà xưởng: Phòng tiện bảo vệ cá nhân (kính bảo hộ, găng tay bảo hộ, khẩu trang, v.v.) cần được kiểm tra thông xuyên và ghi vào sổ ghi chép. Thông xuyên kiểm tra các bình rửa mắt, thiết bị thoát khí, v.v ... được sử dụng trong trường hợp khẩn cấp và ghi vào sổ ghi chép. Để giữ cho nồng độ không khí thấp hơn nồng độ kiểm soát khuyến nghị / nồng độ cho phép, hãy thực hiện các biện pháp như niêm phong quy trình, thông gió cục bộ và các thiết bị khác.

Các biện pháp liên quan đến chất/hỗn hợp để phòng ngừa tiếp xúc trong những trường hợp sử dụng đã xác định :

Cần không khí trong lành (mở các cửa sổ và cửa ra vào).

Các biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa tiếp xúc :

Giảm tiếp xúc với khói bằng cách giữ cho nhiệt độ làm việc càng thấp càng tốt có tính đến các giới hạn tiếp xúc nghề nghiệp và nhiệt độ thao tác an toàn. Nếu điều kiện cho phép, hãy thao tác theo một quy trình được bao kín. Hặc cách khác là nên xem xét sử dụng phòng tiện hút thút khí tại chỗ. Lắp đặt hệ thống xả cục bộ chống cháy nổ. Sử dụng thiết bị điện/thông khí/chiếu sáng/chống nổ. Lắp đặt bồn rửa mắt và vòi hoa sen an toàn ở nơi làm việc nơi cất giữ hoặc xử lý chất này.

**Trang bị bảo hộ cá nhân**

**Phòng tiện bảo vệ mắt/mặt**

Phòng tiện bảo vệ mắt thích hợp : kính mắt kính có gờ chắn bên

Nhận xét: Không có dữ liệu

**Bảo vệ da**

Bảo vệ tay

Lợi găng tay thích hợp : Găng tay bảo hộ găng tay có ống dài

PVC () PE (polyetylen) NR (cao su tự nhiên, latex tự nhiên) CR (polyclopropren, cao su cloropren)

Vật liệu thích hợp : NBR (Cao su nitril) Butyl caoutchouc (cao su butyl) FKM (cao su flo) PVA (Polyvinyl alcol)

Các tính chất cần thiết : chống tĩnh điện kín nước kín khí kín bụi chịu cắt

Chất lượng của găng tay bảo hộ chống hóa chất phải được chọn như một hàm số của nồng độ cụ thể

Nhận xét: Tại nơi làm việc và khói lượng chất nguy hiểm. Với những mục đích đặc biệt, nên hỏi nhà cung cấp găng tay về khả năng bảo vệ chống hóa chất của găng tay bảo hộ nêu trên.

**Bảo vệ cơ thể**

Trang phục bảo hộ phù hợp : Găng tay bảo hộ/trang phục bảo hộ/phòng tiện bảo vệ mắt/phòng tiện bảo vệ mặt.

Các tính chất cần thiết : chống tĩnh điện chống cháy có đế dẫn điện tại 3 kín nước

Vật liệu nên dùng : Không có dữ liệu

**Bảo vệ hô hấp**

Cần phòng tiện bảo vệ hô hấp tại :

vượt giá trị giới hạn tiếp xúc thông khí không đủ hút thút khí không đủ tiếp xúc lâu thao tác với các khối lượng lớn hơn tạo thành khí dung hặc sòng các nồng độ cao

Theo kinh nghiệm thì trường hợp này thông gặp trong những công việc sau đây :

nap và chuển nap vào máy trộn

Thiết bị bảo vệ hô hấp thích hợp :

ABEK-P1

**Nhận xét :**

Tuân thủ giới hạn về thời gian hao mòn của nhà sản xuất. Nếu biện pháp hút thút khí hặc thông khí bằng kỹ thuật không thể thực hiện được hặc không đầy đủ, phải mang thiết bị bảo vệ hô hấp. Kiểm tra độ kín rò/độ không thấm trước khi sử dụng. Để bảo vệ chống tiếp xúc trực tiếp với da, cơ bản là phải mặc quần áo bảo hộ (ngài quần áo lao động bình thường). Chỉ mặc trang phục bảo hộ vừa vặn, thoải mái và sạch sẽ.

**Các biện pháp kiểm soát tiếp xúc với môi trường**

**Các biện pháp kỹ thuật để phòng ngừa tiếp xúc**

Sử dụng các loại bộ lọc sau đây để làm sạch khí thải :

Không có dữ liệu

Sử dụng phục hồi sau và / hoặc kỹ thuật xử lý chất thải để làm sạch khí thải :

hấp phụ ngưng tụ

Sử dụng các phương pháp xử lý hóa học sau đây cho nước thải :

xử lý nhiệt-chưng cất/tinh cất kết tủa phân tách dầu - nước hấp phụ

**9. Đặc tính lý, hóa của hóa chất**

Trạng thái vật lý	Lỏng
Màu sắc	Mờ đục
Mùi đặc trưng	Hăng
Độ pH	Không có dữ liệu
Điểm nóng chảy /điểm đóng băng	Không có dữ liệu

Điểm sôi ban đầu và dải sôi	82.00°C~110.60°C
Điểm cháy	19.5°C
Tỷ lệ hóa hơi	Không có dữ liệu
Tính dễ cháy	Không có dữ liệu
Các giới hạn cháy hạ nổ trên/dưới	Không có dữ liệu
Áp suất hóa hơi	Không có dữ liệu
Tỷ trọng hơi	Không có dữ liệu
Khối lượng riêng	Không có dữ liệu
Độ hòa tan trong nước	Không hòa tan
Hệ số phân tách: n-octanol/nước	Không có dữ liệu
Nhiệt độ tự cháy	200°C
Nhiệt độ phân hủy	Không có dữ liệu
Độ nhớt	20.5000mPa/s
Các tính chất nổ	Không có dữ liệu
Các tính chất oxy hóa	Không có dữ liệu

**10. Mức ổn định và phản ứng của hóa chất**

**Khả năng phản ứng :**

Không có dữ liệu Phản ứng nguy hiểm không xảy ra trong điều kiện bình thường.

**Tính ổn định :**

Sản phẩm bền hóa học trong điều kiện bảo quản, sử dụng và nhiệt độ đề nghị.

**Khả năng gây phản ứng nguy hiểm**

**Trong trường hợp nấu chảy :**

Không áp dụng

**Trong trường hợp bốc hơi :**

Nguy cơ bắt lửa Nguy cơ nổ

**Trong trường hợp đông lạnh :**

Biến dạng của thùng chứa do thay đổi thể tích

**Các điều kiện cần tránh**

**Ở trạng thái khô :**

Không có dữ liệu

**Ở trạng thái cô lập :**

Không có dữ liệu

**Khi gặp thể phân tán mịn/bụi xịt/sương :**

Nguy cơ nổ

**Trong trường hợp làm ẩm :**

Nguy cơ nổ dụng cụ đựng.

**Trong trường hợp gặp tác dụng của ánh sáng :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp bị va chạm hoặc ảnh hưởng của áp suất :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp có không khí vào :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp vượt quá thời gian bảo quản :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp vượt quá nhiệt độ bảo quản :**

Nguy cơ nổ dụng cụ đựng.

**Vật liệu không tương thích**

**Các vật liệu cần tránh :**

Chất oxy hóa

**Sản phẩm phân hủy nguy hiểm :**

Không phân hủy khi đổ bỏ theo cách sử dụng dự định.

**Thông tin thêm :**

Không có dữ liệu

**11. Thông tin về độc tính**



**Thông tin về các tác dụng độc :**

Độc tính cấp tính, miệng

Isomelamine(Cấp 5)LD50 3160mg/kg/Formaldehyde(Cấp 4)LD50 600mg/kg/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 5)LD50 2460mg/kg/Ethylbenzene(Cấp 5)LD50 4100mg/kg

Độc tính cấp tính, da

Formaldehyde(Cấp 3)LD50 270mg/kg/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 5) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 4)LD50 1700mg/kg

Độc tính cấp tính, hít (khí)

Formaldehyde(Cấp 2)LC50 480ppm

Độc tính cấp tính, hít (bụi và s□ong mù)

Ethylbenzene(Cấp 5)LC50 27.5mg/L

Độc tính cấp tính, hít (hơi)

Toluene(Cấp 4)LC50 4800ppm/Ethyl acetate(Cấp 4)LC50 14640ppm/n-Propyl acetate(Cấp 4)LC50 8000ppm/Butan-2-one(Cấp 4)LC50 11700ppm/2-Methylpropan-1-ol(Cấp 4)LC50 6336ppm/Xylene, or mixed isomers(Cấp 4)LC50 6350ppm/Ethylbenzene(Cấp 4)LC50 4000ppm

Ăn mòn/kích ứng da

Toluene(Cấp 2) /n-Butyl acetate(Cấp 3) /n-Amyl acetate(Cấp 2) /Formaldehyde(Cấp 1) /Titanium dioxide(Cấp 3) /Butan-2-one(Cấp 2) /2-Methylpropan-1-ol(Cấp 2) /White spirit, max 20% aromates(Cấp 2) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 2)

Tồn th□ong nghiêm trọng mắt/ kích ứng mắt

Toluene(Cấp 2B) /Propan-2-ol(Cấp 2A) /Ethyl acetate(Cấp 2B) /n-Propyl acetate(Cấp 2B) /n-Butyl acetate(Cấp 2B) /n-Amyl acetate(Cấp 2B) /Formaldehyde(Cấp 2A) /Butan-2-one(Cấp 2A) /2-Methylpropan-1-ol(Cấp 1) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 2A) /Ethylbenzene(Cấp 2B)

Tác nhân nhạy hô hấp

Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1)

Tác nhân nhạy da

Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1)

Đột biến tế bào mầm

Formaldehyde(Cấp 2) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 2)

Tác nhân gây ung th□

Isomelamine(Cấp 1) /Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1) /lead sulphate(Cấp 1) /Titanium dioxide(Cấp 2) /Ethylbenzene(Cấp 2)

Độc tính sinh sản

Toluene(Cấp 1) /Propan-2-ol(Cấp 2) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1) /lead sulphate(Cấp 1) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 1)

/Ethylbenzene(Cấp 1)

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm đơn

Toluene(Cấp 1) /Toluene(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /Toluene(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /Propan-2-ol(Cấp 1) /Propan-2-ol(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /Ethyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /Ethyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /n-Propyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /n-Propyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /n-Butyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /n-Butyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /n-Amyl acetate(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /n-Amyl acetate(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1) /lead sulphate(Cấp 1) /Butan-2-one(Cấp 2) /Butan-2-one(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /Butan-2-one(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /2-Methylpropan-1-ol(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /White spirit, max 20% aromates(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /White spirit, max 20% aromates(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 1) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) ) /Ethylbenzene(Cấp 3 (kích ứng đ□ong hô hấp) ) /Ethylbenzene(Cấp 3 (tác dụng mê hoặc) )

Độc tính đến cơ quan cụ thể sau phơi nhiễm lặp lại

Toluene(Cấp 1) /Propan-2-ol(Cấp 1) /Propan-2-ol(Cấp 2) /n-Amyl acetate(Cấp 1) /Isomelamine(Cấp 1) /Formaldehyde(Cấp 1) /Lead chromate (as Cr)(Cấp 1) /lead sulphate(Cấp 1) /Titanium dioxide(Cấp 1) /Butan-2-one(Cấp 1) /White spirit, max 20% aromates(Cấp 2) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 1) /Ethylbenzene(Cấp 1)

Nguy hại hô hấp

Toluene(Cấp 1) /White spirit, max 20% aromates(Cấp 1) /Xylene, or mixed isomers(Cấp 1) /Ethylbenzene(Cấp 1)

**Các triệu chứng liên quan đến tính chất vật lý, hóa học, và độc tính****Trong trường hợp ăn phải :**

Không có dữ liệu

**Trong trường hợp tiếp xúc với da :**

Có tác dụng làm mất chất nhờn trên da.

**Trong trường hợp hít :**

Khi hít vào, phổi và khí quản bị ảnh h□ong.

**Thông tin thêm :**

Không có dữ liệu

**12. Thông tin về sinh thái****Độc môi trường (nước và trên cạn):**

108-88-3, Toluene:  
 Algae: *Chlorella vulgaris* EC50( mg/L ) 245(24-h)      *Scenedesmus subspicatus* EC50( mg/L ) 160(48-h),  
*Selenastrum capricornutum* EC50( mg/L ) > 433(96-h):  
 Crustacean: *Daphnia magna* EC50( mg/L ) 19.6(48-h):Swimming inhibition  
 Fish: *Brachydanio rerio* LC50( mg/L ) 25(48-h)*Cyprinodon*  
*variegatus* LC50( mg/L ) 13(96-h)*Gambusia affinis* LC50( mg/L ) 1,180(96-h),*Lepomis macrochirus* LC50( mg/L )  
 24(96-h)*Poecilia reticulata* LC50( mg/L ) 59.3(96-h)

Others:*Photobacterium phosphoreum* EC50( mg/L ) 19.7(30-min)

50-00-0, Formaldehyde:  
 Algae:*Scenedesmus. sp.* EC50( mg/L ) 0.3(—)  
 Crustacean: *Cypridopsis sp. shrimp* LC50( mg/L ) 1.05(96-h),*Daphnia magna* LC50( mg/L ) 2.0(48-h)  
 Fish: *Oncorhynchus mykiss* LC50( mg/L ) 73.5(96-h), *Lepomis macrochirus* LC50( mg/L ) 100(96-h), *Morone saxatilis* (Striped bass) LC50( mg/L ) 6.7(96-h)

Others: *Chilomonas paramecium* LC50( mg/L ) 4.5(48-h) *Corbicula sp* LC50( mg/L ) 126(96-h),*Notonecta sp.*  
 LC50( mg/L ) 835(96-h), *E.coli* LC50( mg/L ) about 1(—)

100-41-4, Ethylbenzene:  
 Algae: *Selenastrum capricornutum* EC50(mg/L) 4.6(72-h): Proliferation inhibition, Crustaceans: *Daphnia magna* EC50(mg /L) 2.1(48-h) Swimming inhibition, *Artemia salina* EC50( mg /L ) 9.2(48-h), Fish: *Morone saxatilis* bass LC50(mg /L) 4.0(96-h, )*Oncorhynchus*

*Mykiss* LC50(mg / L) 4.2(96-h)

67-63-0, Isopropyl alcohol :  
 Algae : *Scenedesmus Subspicatus* EC50( mg/L ) >1,000(72-h) : Proliferation inhibition, Crustaceans : *Daphnia magna* EC50( mg/L ) 9,714(24-h) : swimming inhibition, *Crangon crangon* LC50( mg/L ) 903(96-h), Fish :  
*Rasbora Heteomorpha* LC50( mg/L ) 4,200(96-h), *Pimephales promelas* LC50( mg/L ) 6,120(96-h)

108-78-1, Melamine :  
 Algae: *Scenedesmus pannonicus* EC50(mg/L) 940(96-h) : Proliferation inhibition, Crustaceans: *Daphnia magna* EC50(mg/L) >2,000(48-h) : swimming inhibition, Fish: *Poecilia reticulata* LC50(mg/L) >3,000(96-h)

**Tính bền vững, khó phân hủy và khả năng phân hủy :**

108-88-3, Toluene:  
 Aerobic: good. test period 2 weeks, 100mg/L, decomposition rate by BOD 112~129 %, Anaerobic:no report  
 Abiotic: Reactivity with OH radical:  
 in troposphere air reaction rate constant  $6.1 \cdot 10^{-12}$  cm<sup>3</sup>/mol.sec half time under OH radical concentration  $5.0 \cdot 10^5 \sim 1 \cdot 10^6$  mol/cm<sup>3</sup> is calculated 1~3 days

50-00-0, Formaldehyde:  
 Aerobic: good. decomposition rate by BOD 91 %, Anaerobic: no report  
 Abiotic: Reactivity with OH radical: in clear air half time is reported 19 hours, in dirty air, half time is reported 19/2 hours. reactivity by direct photodecomposition: half time is reported 6.0 hours

100-41-4, Ethylbenzene :  
 Aerobic: good, decomposition rate by BOD 81~126 %, Anaerobic: no report  
 Aerobic: by aerobic reactor, not decomposed after 110 days reported. under condition of aerobic aquifer environment, survival rate after 120 weeks is less than 1 %, Ethylbenzene is supposed to be aerobic decomposed completely.

Abiotic: reactivity with OH radical; in ratroposphere air, half time is reported, 5.5 hours in summer time, 24 hours in winter time. as reaction products, Ethylphenol, Benzaldehyde, Acetophenone and m-,p- Ethylnitrobenzene are reported. Photodecomposition in water; photodecomposed under Acetophenone by sensitizer, 1-Phenylethanol, 1-Phenylethanone and Benzaldehyde are reported to be produced.

67-63-0, Isopropyl alcohol:  
 Aerobic: good, decomposition rate by BOD 86 %, Anaerobic: no report  
 Abiotic: Reactivity with OH radical; in ratroposphere air, reaction rate,  $6.2 \cdot 10^{-12}$  cm<sup>3</sup>/mol.sec(room temp.), OH radical conc.  $5.0 \cdot 10^5 \sim 1 \cdot 10^6$  mol/cm<sup>3</sup>, half time is calculated 1.1~2.3 days.  
 Reactivity with NO<sub>3</sub> radical; reaction rate  $2.3 \cdot 10^{-15}$  m<sup>3</sup>/mol.sec.(25 deg.C), in ratroposphere air, NO<sub>3</sub> radical conc.  $2.4 \cdot 10^8$  mol./cm<sup>3</sup> in night, half time is reported 145 days.

108-78-1, Melamine :  
 Aerobic: difficult, Decomposition rate by BOD 0 %.  
 Anaerobic: no report.  
 Abiotic: no report

**Khả năng tích lũy sinh học :**

108-88-3, Toluene: No report  
 50-00-0, Formaldehyde: No report  
 100-41-4, Ethylbenzene: Logistic number of concentration factor: 1.9(golden fish), 0.67(clam)  
 67-63-0, Isopropyl alcohol: No report  
 108-78-1, Melamine: Low concentration, test period 6 weeks, No.1section:test conc 2 mg/L, concentration factor < 0.38 No.2 section: conc. 0.2 mg/L, concentration factor < 3.8

**Độ linh động trong đất :**

108-88-3, Toluene : None  
 50-00-0, Formaldehyde : None  
 100-41-4, Ethylbenzene : None  
 67-63-0, Isopropyl alcohol : None  
 108-78-1, Melamine : None

**Ảnh hưởng đến tầng Ozôn :**

108-88-3, Toluene : Not applicable  
 50-00-0, Formaldehyde : Not applicable  
 100-41-4, Ethylbenzene : Not applicable  
 67-63-0, Isopropyl alcohol : Not applicable  
 108-78-1, Melamine : Not applicable

**Các tác hại khác :**

Tuân thủ quy định địa phương về xử lý nước thải chảy ra. Nếu sản phẩm xâm nhập vào đất, nó sẽ phát tán và có thể nhấm vào tầng nước ngầm. Phải tránh thải ra môi trường. Tính chất độc sinh thái của hỗn hợp này được quy định bởi tính chất độc sinh thái của các thành phần riêng lẻ (xem mục 3).

**13. Thông tin về thải bỏ**

**Các phương pháp xử lý chất thải**

**Thải bỏ Sản Phẩm/Bao Bì**

Các tính chất của chất thải làm cho nó nguy hiểm :  
 gây đột biến gen độc sinh sản gây ung thư độc có hại kích ứng. rất dễ cháy gây mất cảm

Các phương án xử lý chất thải

Thải bỏ phù hợp / Sản phẩm :  
 Thải bỏ chất thải theo pháp luật hiện hành.

Thải bỏ phù hợp / bao bì :  
 Có thể thu hồi tái chế các bao bì chĩa bị nhấm. Thao tác với bao bì bị nhấm theo cách thức nhĩa đối với bản thân chất.

Nhận xét :  
 Không trộn lẫn với các chất thải khác. giao cho công ty thải bỏ chất thải đã được chấp thuận. Thải bỏ theo pháp luật.

**14. Thông tin khi vận chuyển**

**Số hiệu UN**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID) 1263  
 Tàu thủy nội địa (ADN) 1263  
 Vận chuyển đường biển (IMDG) 1263  
 Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR) 1263

**Tên riêng dùng trong vận chuyển của Liên Hợp Quốc (UN)**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID) Paint or Paint related material  
 Tàu thủy nội địa (ADN) Paint or Paint related material  
 Vận chuyển đường biển (IMDG) Paint or Paint related material  
 Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR) Paint or Paint related material

**Loại nhóm hàng nguy hiểm trong vận chuyển**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID) 3  
 Tàu thủy nội địa (ADN) 3  
 Vận chuyển đường biển (IMDG) 3  
 Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR) 3

**Nhóm đóng gói**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID) II  
 Tàu thủy nội địa (ADN) II  
 Vận chuyển đường biển (IMDG) II  
 Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR) II

**Các hiểm họa môi trường**

Vận chuyển đường bộ (ADR/RID)	Không có dữ liệu
Tàu thủy nội địa (ADN)	NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG
Vận chuyển đường biển (IMDG)	NGUY HIỂM CHO MÔI TRƯỜNG
Vận chuyển đường hàng không (ICAO-TI / IATA-DGR)	Không có dữ liệu

**Vận chuyển hàng rời theo Phụ Lục II của Hiệp Định MARPOL** Không áp dụng

**73/78 và Quy Định IBC :**

**Chất ô nhiễm đại lượng :** áp dụng

**15. Thông tin về pháp luật**

**Law on Chemicals**

**PHỤ LỤC I, HÓA CHẤT SẢN XUẤT, KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN TRONG LĨNH VỰC CÔNG :**

Sản phẩm này thuộc pháp luật này

**PHỤ LỤC II, HÓA CHẤT HẠN CHẾ SẢN XUẤT, KINH DOANH TRONG LĨNH VỰC CÔNG :**

Sản phẩm này thuộc pháp luật này

**PHỤ LỤC III, HÓA CHẤT CẤM :**

Không có thành phần nào tương ứng với luật này

**PHỤ LỤC IV, HÓA CHẤT NGUY HIỂM PHẢI XÂY DỰNG KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ SỰ CỐ HÓA CHẤT :**

CASNO : 50-00-0, Formaldehyde (Conc. > 90%) ;

**PHỤ LỤC V, HÓA CHẤT PHẢI KHAI BÁO :**

- CASNO : 628-63-7, Amyl acetate ;
- CASNO : 123-86-4, n-Butyl acetate ;
- CASNO : 7446-14-2, Sulfuric acid, lead(2+) salt (1:1) ;
- CASNO : 7758-97-6, Lead(II) tetraoxidochromate ;
- CASNO : 141-78-6, Ethyl acetate ;
- CASNO : 100-41-4, Ethyl benzene ;
- CASNO : 50-00-0, Formaldehyde ;
- CASNO : 78-83-1, Isobutanol ;
- CASNO : 67-63-0, Isopropyl alcohol ;
- CASNO : 109-60-4, Propyl acetate ;

**Đánh giá An Toàn Hóa Chất:**

Việc đánh giá an toàn hóa chất đã được thực hiện cho chất này.

**16. Các thông tin cần thiết khác**

**Con số phiên bản:**

P300024119VN-7

**Ngày chuẩn bị:**

2024/11/12 14:04:51

**Nguồn dữ liệu :**

Các mô tả trong Bảng Dữ liệu An toàn này dựa trên các tài liệu, thông tin và dữ liệu có sẵn tại thời điểm này, nhưng có thể được sửa đổi do sửa đổi luật và quy định hoặc các phát hiện mới. Khi xử lý sản phẩm này, vui lòng tham khảo mô tả và thực hiện các biện pháp an toàn phù hợp với tình hình thực tế và tự chịu rủi ro. Bảng Dữ liệu An toàn này không phải là một đảm bảo về an toàn hoặc chất lượng.